TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 189/2018/DS-PT
Ngày: 22 - 10 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lưu Ánh Nguyệt**

Các thẩm phán: Bà **Phạm Thị Hồng Vân**

Bà **Nguyễn Thị Thúy Phượng**

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà **Võ Thanh Vy** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh*:** Bà **Đặng Thị Châu** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2018/TLPT – DS ngày 13 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2018/DSST ngày 04 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 119/2018/QĐ-PT ngày 20 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Võ Thị X**, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: Tổ 6, ấp H, xã L, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bà X: Anh **Nguyễn Văn Nam**, sinh năm 1983; địa chỉ: khu phố 1, phường H, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: đường T, tổ 7, khu phố 7, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. – Là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 02/8/2018)

2. Bị đơn: Bà **Hoàng Ngọc L**, sinh năm 1974;

Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1971;

Cư trú tại: Tổ 9, ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bà Hoàng Ngọc L: Ông **Diệp Văn C**, sinh năm 1987; cư trú tại: đường 24 L, khu phố N, phường S, thành phố T, tỉnh Tây

Ninh – là người đại diện theo ủy quyền của bà L (Theo văn bản ủy quyền ngày 19/01/2018).

3. Người kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (bà Hoàng Ngọc L) ông Diệp Văn C.

4. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 20/12/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Võ Thị X trình bày:

Do quen biết bà X, bà L có tham gia góp hụi của nhau vì bà X và bà L đều làm chủ hụi.

Trong đó :

Bà X có tham gia góp hụi do bà L làm chủ hụi, loại hụi 5.000.000 đồng, 20 ngày khui 01 lần, ngày tháng khui hụi bà X không nhớ vì phần lớn hụi đã mãn. Bà X tham gia tất cả 8 dây hụi, mỗi dây 3 phần, tất cả 24 phần hụi, loại hụi 5.000.000 đồng, tất cả bà X chưa lĩnh được phần hụi nào thì bà L tuyên bố bể hụi. Ngày 10/7/2017 (âm lịch) bà L chốt lại số tiền nợ hụi cho bà X là 1.080.000.000đồng. Bà L hẹn đến ngày 10/8/2017 (âm lịch) trả cho bà X 200.000.000 đồng, phần còn lại trả hàng tháng đến tháng 01/2018 (âm lịch) sẽ trả hết nhưng bà L không thực hiện đúng như đã hứa.

Bà L có tham gia góp hụi do bà X làm chủ hụi, tất cả gồm :

1. 01 dây hụi 20.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, hụi khui ngày 20/01/2017 (âm lịch) , gồm 20 phần, bà L lĩnh hụi ở kỳ đầu tiên được 400.000.000 đồng, bà L ký nhận tiền hụi của bà X, sau đó bà L trả được mấy kỳ hụi nữa thì ngưng, bà X không nhớ rõ;

2. 01 dây hụi 5.000.000 đồng, khui ngày 15/01/2017 (âm lịch), 15 ngày khui hụi 01 lần, gồm 26 phần, bà L lĩnh hụi kỳ đầu tiên được 125.000.000 đồng;

3. 01 dây hụi 5.000.000 đồng, khui ngày 05/7/2016 (âm lịch), 01 tháng khui hụi 01 lần, gồm 23 phần, bà L lĩnh hụi kỳ nào bà X không nhớ rõ, lĩnh được khoảng 100.000.000 đồng, dây hụi này bà L không ký nhận tiền.

Tổng cả 03 phần hụi, bà X và bà L đã chốt lại số nợ 400.000.000 đồng vào khoảng tháng 10/2017, nhưng không có giấy chốt nợ, hai bên chỉ nói miệng.

Ngoài ra vào ngày 25/12/2016 (âm lịch) bà L có vay của bà X số tiền 200.000.000 đồng, khi vay hai bên thỏa thuận lãi 4%/01 tháng bà L đã trả được 03 tháng tiền lãi là 24.000.000 đồng, không ký nhận giấy tờ gì; Ngày 28/4/2017 (âm lịch) bà L vay tiếp 150.000.000 đồng, bà L hẹn 10 ngày trả khi đó hai bên chưa

thỏa thuận lãi suất, đến nay bà L chưa trả tiền lãi và tiền gốc. Tổng cộng số tiền bà L vay bà X là 350.000.000 đồng.

Tổng cộng bà L, ông S nợ bà X 1.830.000.000 đồng.

Mục đích vay tiền và hốt hụi của vợ chồng bà L dùng để lấy vốn làm ăn. Trong quá trình bà X và bà L giao dịch tiền hụi tiền vay, ông S có biết, khi bà X đến nhà đòi tiền ông S có cùng bà L hẹn trả nợ cho bà X.

Trong các giấy tờ nợ chỉ có chữ ký của bà L do bà L là người trực tiếp đến nhà bà X nhận tiền nên bà X chỉ cho bà L ký tên.

Nay bà X yêu cầu bà Hoàng Ngọc L và ông Nguyễn Văn S có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ 1.830.000.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi 1%/ tháng đối với các khoản tiền vay cụ thể :

1.080.000.000 x 1% x 10 tháng 24 ngày (10/8/2017 đến 04/7/2018) = 108.008.640 đồng;

200.000.000 x 1% x 17 tháng 09 ngày (25/01/2017 đến 04/7/2018) = 34.600.000 đồng;

150.000.000 x 1% x 13 tháng 06 ngày (28/5/2017 đến 04/7/2018) = 19.800.000 đồng;

Tổng cộng 162.408.640 đồng bà X đồng ý khấu trừ số tiền lãi bà L đã trả 24.000.000 đồng. Còn lại 138.408.640 đồng tiền lãi.

Nay bà Võ Thị X yêu cầu bà Hoàng Ngọc L và ông Nguyễn Văn S có trách nhiệm trả cho bà X số tiền nợ gốc 1.830.000.000 đồng và tiền lãi 138.408.640 đồng. Tổng cộng là 1.968.408.640 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (bà Hoàng Ngọc L): Ông Diệp Văn C trình bày:

Đối với giấy biên nhận ngày 10/7/2017 (âm lịch) với số tiền 1.080.000.000 đồng bà L đã viết cho bà X cụ thể: Trong quá trình bà L làm chủ hụi, bà X có tham gia một số dây hụi, bà X có yêu cầu lĩnh hụi nhưng do những hụi viên khác không góp hụi cho bà L nên bà L không có tiền giao hụi cho bà X, vì vậy bà L làm giấy nợ cho bà X và tính tiền lãi hàng tháng. Tính đến ngày 20/01/2017 (âm lịch), khi hốt dây hụi 20.000.000 đồng do bà X làm chủ hụi thì bà L đã trả cho bà X là 64.000.000 đồng tiền lãi (không có chứng cứ về việc trả tiền lãi). Đến ngày 10/7/2017 (âm lịch) do bà L không thể đóng tiền lãi cho bà X nữa nên bà X buộc bà L viết giấy nợ và phương thức trả, vì vậy bà L mới viết giấy biên nhận chốt tổng số tiền nợ hụi và cộng cả tiền lãi còn nợ bà X là 1.080.000.000 đồng. Bà L hẹn thời hạn trả cuối cùng cho bà X là hết tháng 01/2018 (âm lịch) tức ngày 17/3/2018 (dương lịch) sẽ trả, nhưng nay chưa đến hạn mà bà X đã yêu cầu khởi kiện, bà L không đồng ý.

Đối với dây hụi 20.000.000 đồng/ tháng, mà bà L đã ký giấy nhận tiền của bà X vào ngày 20/01/2017 (âm lịch) với số tiền 400.000.000 đồng cụ thể như sau: dây hụi này khui ngày 20/01/2017 (âm lịch), gồm 21 phần, mỗi tháng đóng 01 lần vào ngày 20 hàng tháng. Bà L khui hụi với giá 4.000.000 đồng và lĩnh hụi ở kỳ đầu là 20 phần x 16.000.000 đồng = 320.000.000 đồng, bà X trừ tiền hưởng hoa hồng 8.000.000 đồng còn lại 312.000.000 đồng. Lúc này bà X buộc bà L phải trả số tiền gốc đã vay 200.000.000 đồng vào ngày 25/12/2016 (âm lịch) và lãi suất 20.000.000 đồng, nên bà X đã trừ 220.000.000 đồng, còn lại 92.000.000 đồng. Sau đó bà X tiếp tục trừ 64.000.000 đồng tiền lãi của số tiền mà bà X tham gia góp hụi của bà L và trừ tiếp 5.000.000 đồng tiền hụi của dây hụi khui ngày 15/01/2017 (âm lịch), mỗi tháng đóng 02 lần.

Như vậy khi lĩnh hụi này sau khi trả tiền vay 200.000.000 đồng vay ngày 25/12/2016 (âm lịch), các khoản tiền lãi và trả tiền hụi đã lĩnh thì bà L chỉ nhận được 23.000.000 đồng. Dây hụi này bà L mỗi tháng phải đóng hụi đã mãn lại cho bà X 20.000.000 đồng, bắt đầu đóng ngày 20/02/2017 (âm lịch) đến hết ngày 20/6/2017 (âm lịch, tháng nhuần) thì ngưng. Tổng cộng bà L trả tiền hụi đã lĩnh cho bà X được 6 kỳ x 20.000.000đ = 120.000.000đ nên còn thiếu bà X 280.000.000đ tiền hụi. Nhưng dây hụi này đến 20/8/2018 (âm lịch) tức ngày 29/9/2018 (dương lịch) mới mãn, nay bà X khởi kiện là không đúng nên bà L không đồng ý trả, khi nào hụi mãn bà L sẽ trả phần tiền hụi còn nợ cho bà X.

Đối với dây hụi 5.000.000 đồng mỗi tháng đóng 2 lần, mà bà L đã ký giấy nhận tiền cho bà X vào ngày 15/01/2017 (âm lịch) với số tiền 125.000.000 đồng, cụ thể: dây hụi này khui vào ngày 15/01/2017 (âm lịch), gồm 26 phần, mỗi tháng đóng 02 lần vào ngày 15 và ngày 30 hàng tháng. Bà L khui hụi với giá 700.000 đồng và lĩnh hụi ở kỳ đầu được 25 phần x 4.300.000 đồng = 107.500.000 đồng, bà X trừ tiền hưởng hoa hồng 2.500.000 đồng, còn lại 105.000.000 đồng. Mỗi tháng bà L phải trả tiền hụi cho bà X 10.000.000 đồng (chia làm 02 lần). Bà L bắt đầu trả tiền hụi từ ngày 30/01/2017 (âm lịch) đến ngày 30/6/2017 (âm lịch, tháng nhuần) thì ngưng. Tổng cộng bà L góp hụi cho bà X được 13 lần x 5.000.000 đồng = 65.000.000 đồng, nên còn nợ lại bà X 60.000.000 đồng. Nhưng dây hụi này đến ngày 30/12/2017 (âm lịch) tức nhằm ngày 15/02/2018 (dương lịch) mới mãn, ngày 20/12/2017 bà X đã khởi kiện bà L là không đúng. Vì vậy bà L không đồng ý trả tiền dây hụi này, khi nào hụi mãn thì bà L sẽ trả đủ số tiền còn nợ cho bà X.

Đối với khoản tiền bà L vay bà X 200.000.000 đồng vào ngày 25/12/2016 (âm lịch), khi vay hai bên lãi suất thỏa thuận 10%/tháng. Khi bà L lĩnh dây hụi 20.000.000 đồng, khui hụi ngày 20/01/2017 (âm lịch), thì bà L đã trả tiền gốc và tiền lãi cho bà X xong, nhưng không có ký nhận giấy tờ gì.

Đối với khoản vay 150.000.000 đồng vào ngày 28/4/2017 (âm lịch), với lãi suất thỏa thuận 4%/tháng (tức mỗi tháng bà L phải đóng lãi cho bà X là

6.000.000 đồng), bà L đã trả lãi cho bà X được 4 tháng x 6.000.000 đồng = 24.000.000 đồng, chưa trả tiền gốc. Vì mức lãi suất quá cao nên bà L không thể đóng tiếp cho bà X được nữa. Khoản vay này không thỏa thuận thời hạn trả, từ ngày vay bà X chưa yêu cầu bà L trả tiền gốc mà chỉ yêu cầu đóng tiền lãi, vì vậy bà X khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền trên bà L không chấp nhận.

Do vậy bà Hoàng Ngọc L không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị X về việc yêu cầu bà Hoàng Ngọc L và ông Nguyễn Văn S trả số tiền 1.830.000.000 đồng và lãi suất, vì bà L chỉ còn nợ bà X tổng công số tiền 1.570.000.000 đồng và số tiền nợ trên chưa đến hạn trả, không đồng ý ông Nguyễn Văn S có trách nhiệm cùng trả.

Ngày 22/6/2018 bà Hoàng Ngọc L trình bày chỉ còn nợ bà X 1.550.000.000 đồng và không cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 20/2018/DS - ST ngày 04 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 288, 463, 466, 468, 470, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bà Hoàng Ngọc L và ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Võ Thị X số tiền nợ gốc là 1.830.000.000 đồng và 117.963.199 đồng tiền lãi tính đến ngày 04/7/2018. Tổng cộng gốc và lãi 1.947.963.000 (một tỷ, chín trăm, bốn mươi bảy triệu, chín trăm sáu mươi ba ngàn) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/7/2018, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Hoàng Ngọc L là anh Diệp Văn C có đơn kháng cáo đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm số 20/2018/DS - ST ngày 04 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T với lý do bà L chỉ còn nợ bà X số tiền 1.570.000.000 đồng.

Ngày 02/8/2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh có quyết định kháng nghị số 12/2018/KNPT-DS đề nghị sửa bản án sơ thẩm về căn cứ pháp luật áp dụng, mức lãi suất đồng thời sửa về cách tuyên bản án và án phí theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh trình bày:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc chấp hành của những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, chấp nhận một phần kháng cáo của anh Diệp Văn C, sửa bản án sơ thẩm về căn cứ áp dụng pháp luật, mức lãi suất áp dụng, cách tuyên

án và án phí, đồng thời xác định lại số tiền nợ hụi của hai dây hụi 20.000.000 đồng và dây hụi 5.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào Khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Văn S.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của anh Diệp Văn C cho rằng bà L chỉ nợ bà X số tiền 1.570.000.000 đồng thì thấy rằng:

[2.1] Đối với tiền nợ hụi:

Căn cứ vào "Biên nhận" ngày 10/7/2017 âm lịch (ngày 31/8/2017 dương lịch) bà L xác nhận do bà trực tiếp viết và ký tên, bà L và bà X đã chốt lại số tiền nợ hụi là 1.080.000.000 đồng nên có căn cứ xác định bà L còn nợ bà X số tiền nợ hụi 1.080.000.000 đồng.

Đối với số tiền hụi chết 400.000.000 đồng: Bà L có góp hụi cho bà X 03 dây hụi bao gồm: dây hụi 20.000.000 đồng khui ngày 20/01/2017 âm lịch gồm 21 phần; dây hụi 5.000.000 đồng khui ngày 15/01/2017 âm lịch, gồm 26 phần, 15 ngày khui 01 lần và dây hụi 5.000.000 đồng khui ngày 05/7/2016 âm lịch gồm 23 phần, 1 tháng khui 1 lần. Các dây hụi này bà L đã lĩnh hụi nhưng chưa đóng hụi chết. Người đại diện theo ủy quyền của bà L cho rằng dây hụi này bà L chỉ còn nợ bà X 340.000.000 đồng và cho rằng có dây hụi chưa mãn nhưng bà X khởi kiện nên không đồng ý trả là không phù hợp. Bà X và bà L chốt nợ số tiền hụi của các dây hụi này là 400.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Đối với số tiền nợ vay: Bà L có vay của bà X 200.000.000 đồng vào ngày 25/12/2016 âm lịch và 150.000.000 đồng ngày 28/4/2017 âm lịch, có giấy vay tiền có chữ ký, chữ viết của bà L. Bà L cho rằng đã trả số tiền nợ 200.000.000 đồng cho bà X nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó, có căn cứ xác định bà L còn nợ bà X số tiền vay tổng cộng là 350.000.000 đồng.

[2.3] Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà L còn nợ bà X tiền hụi và tiền vay vốn tổng cộng là 1.830.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Người đại diện theo ủy quyền của bà L là anh Diệp Văn C kháng cáo cho rằng bà L chỉ nợ bà X số tiền 1.570.000.000 đồng. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà L xác nhận bà L còn nợ bà X số tiền 1.570.000.000 đồng nhưng chưa trừ 24.000.000 đồng tiền lãi, nên số tiền bà L còn nợ bà X tiền vốn là 1.546.000.000 đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà L nên Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh thì thấy rằng:

[3.1] Bà X khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền 1.830.000.000 đồng và tính lại tiền lãi của số tiền hụi là 1.080.000.000 đồng và tiền lãi đối với từng khoản vay. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất 10%/năm đối với tiền nợ hụi 1.080.000.000 đồng là không đúng quy định tại điều 29 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006. Theo quy định tại Điều 29, bà L, ông S có nghĩa vụ trả lãi đối với tiền nợ hụi 1.080.000.000 đồng với mức lãi suất do Ngân hàng Nhà nước công bố là 9%/năm. Số tiền lãi bà L, ông S phải trả đối với tiền nợ hụi 1.080.000.000 đồng là:

1.080.000.000 x 10 tháng 24 ngày x 9%/năm = 87.480.000 đồng.

Số tiền lãi bà L, ông S phải trả đối với tiền nợ vay là:

200.000.000 x 10 %/1 năm x 17 tháng 09 ngày (25/01/2017-04/7/2018) = 28.717.999 đồng;

150.000.000 x 10 %/1 năm x 13 tháng 06 ngày (28/5/2017-04/7/2018) = 16.434.000 đồng;

Như vậy, tổng cộng tiền nợ hụi, nợ vay và tiền lãi là 1.962.631.999 đồng. (Trong đó, số tiền nợ gốc là 1.830.000.000 đồng, tiền lãi là 132.631.999 đồng).

Do đó, cần buộc bà L và ông S có nghĩa vụ trả cho bà X tổng số tiền nợ hụi và nợ vay là 1.830.000.000 đồng và tiền lãi là 132.631.999 đồng, khấu trừ số tiền lãi bà L đã trả cho bà X là 24.000.000 đồng, còn lại 108.631.999 đồng tiền lãi. Như vậy, bà L và ông S phải có nghĩa vụ trả cho bà X số tiền tổng cộng là 1.938.631.999 đồng, trong đó tiền nợ hụi và nợ vay là 1.830.000.000 đồng, tiền lãi là 108.631.999 đồng.

[3.2] Tại phần quyết định của bản án, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên mức lãi suất chậm thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố là không đúng theo quy định tại Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự. Do đó, cần sửa lại cách tuyên án như sau: "Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự."

[3.3] Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, sửa bản án sơ thẩm về căn cứ pháp luật áp dụng, mức lãi suất áp dụng và cách tuyên án.

[4] Do sửa án sơ thẩm về tiền lãi nên cần sửa tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Anh C không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 288, 463, 466, 468, 470, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 29 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Khoản 2 Điều 26; Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Diệp Văn C.

Sửa bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị X.

Buộc bà Hoàng Ngọc L và ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị X số tiền nợ gốc là 1.830.000.000 đồng và 108.631.999 đồng tiền lãi tính đến ngày 04/7/2018. Tổng cộng gốc và lãi 1.938.631.999 (Một tỷ chín trăm ba mươi tám triệu sáu trăm ba mươi mốt nghìn chín trăm chín mươi chín) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị X không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự. Hoàn trả cho bà X 33.450.000 (ba mươi ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004877 ngày 26/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Bà Hoàng Ngọc L, ông Nguyễn Văn S phải chịu 70.158.960 đồng (Bảy mươi triệu một trăm năm mươi tám nghìn chín trăm sáu mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Diệp Văn C không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho anh C 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005456 ngay 17/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án đươc quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án;
- Lưu: VT, (V).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Ánh Nguyệt